

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự		Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)
22		TỈNH LÂM ĐỒNG	
	1	X. Lạc Dương	66917
	2	X. Đơn Dương	66916
	3	X. Ka Đô	66913
	4	X. Quảng Lập	66907
	5	X. D'Ran	66915
	6	X. Hiệp Thạnh	66807
	7	X. Đức Trọng	66821
	8	X. Tân Hội	66810
	9	X. Tà Hine	66816
	10	X. Tà Năng	66819
	11	X. Đình Văn Lâm Hà	66322
	12	X. Phú Sơn Lâm Hà	66316
	13	X. Nam Hà Lâm Hà	66307
	14	X. Nam Ban Lâm Hà	66313
	15	X. Tân Hà Lâm Hà	66311
	16	X. Phúc Thọ Lâm Hà	66317
	17	X. Đam Rông 1	66264
	18	X. Đam Rông 2	66265
	19	X. Đam Rông 3	66266
	20	X. Đam Rông 4	66267
	21	X. Di Linh	66706
	22	X. Hòa Ninh	66720
	23	X. Hòa Bắc	66722
	24	X. Đình Trang Thượng	66716
	25	X. Bảo Thuận	66711
	26	X. Sơn Điền	66723
	27	X. Gia Hiệp	66713
	28	X. Bảo Lâm 1	66420
	29	X. Bảo Lâm 2	66421
	30	X. Bảo Lâm 3	66422
	31	X. Bảo Lâm 4	66423
	32	X. Bảo Lâm 5	66424
	33	X. Đạ Huoai	66666
	34	X. Đạ Huoai 2	66667
	35	X. Đạ Tẻh	66606
	36	X. Đạ Tẻh 2	66617
	37	X. Đạ Tẻh 3	66618
	38	X. Cát Tiên	66506
	39	X. Cát Tiên 2	66517
	40	X. Cát Tiên 3	66518
	41	P. Xuân Hương - Đà Lạt	66122

Số thứ tự		Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	ĐTGM		
	42	P. Cam Ly - Đà Lạt	66123
	43	P. Lâm Viên - Đà Lạt	66124
	44	P. Xuân Trường - Đà Lạt	66125
	45	P. LangBiang - Đà Lạt	66126
	46	P. 1 Bảo Lộc	66467
	47	P. 2 Bảo Lộc	66468
	48	P. 3 Bảo Lộc	66469
	49	P. B' Lao	66459
	50	X. Đạ Huoai 3	66662
	51	X. Ninh Gia	66815
	52	X. Vĩnh Hảo	77209
	53	X. Liên Hương	77206
	54	X. Tuy Phong	77218
	55	X. Phan Rí Cửa	77216
	56	X. Bắc Bình	77324
	57	X. Hồng Thái	77321
	58	X. Hải Ninh	77314
	59	X. Phan Sơn	77312
	60	X. Sông Lũy	77317
	61	X. Lương Sơn	77320
	62	X. Hòa Thắng	77322
	63	X. Đông Giang	77414
	64	X. La Dạ	77413
	65	X. Hàm Thuận Bắc	77424
	66	X. Hàm Thuận	77423
	67	X. Hồng Sơn	77407
	68	X. Hàm Liêm	77417
	69	X. Tuyên Quang	77425
	70	X. Hàm Thạnh	77714
	71	X. Hàm Kiệm	77711
	72	X. Tân Thành	77718
	73	X. Hàm Thuận Nam	77719
	74	X. Tân Lập	77715
	75	X. Tân Minh	77609
	76	X. Hàm Tân	77616
	77	X. Sơn Mỹ	77613
	78	X. Tân Hải	77660
	79	X. Nghị Đức	77513
	80	X. Bắc Ruộng	77511
	81	X. Đồng Kho	77508
	82	X. Tánh Linh	77520
	83	X. Suối Kiết	77519
	84	X. Nam Thành	77570
	85	X. Đức Linh	77569
	86	X. Hoài Đức	77571

Số thứ tự		Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	ĐTGM		
	87	X. Trà Tân	77567
	88	P. Hàm Thắng	77420
	89	P. Bình Thuận	77125
	90	P. Mũi Né	77118
	91	P. Phú Thủy	77120
	92	P. Phan Thiết	77124
	93	P. Tiên Thành	77123
	94	P. La Gi	77665
	95	P. Phước Hội	77656
	96	Đặc khu Phú Quý	77809
	97	X. Đắc Wil	65413
	98	X. Nam Dong	65410
	99	X. Cư Jút	65414
	100	X. Thuận An	65507
	101	X. Đức Lập	65516
	102	X. Đắc Mil	65517
	103	X. Đắc Sắk	65509
	104	X. Nam Đà	65308
	105	X. Krông Nô	65318
	106	X. Nâm Nung	65313
	107	X. Quảng Phú	65317
	108	X. Đắc Song	65615
	109	X. Đức An	65606
	110	X. Thuận Hạnh	65610
	111	X. Trường Xuân	65614
	112	X. Tà Đùng	65213
	113	X. Quảng Khê	65206
	114	X. Quảng Tân	65709
	115	X. Tuy Đức	65712
	116	X. Kiến Đức	65806
	117	X. Nhân Cơ	65810
	118	X. Quảng Tín	65807
	119	P. Bắc Gia Nghĩa	65115
	120	P. Nam Gia Nghĩa	65116
	121	P. Đông Gia Nghĩa	65114
	122	X. Quảng Hòa	65212
	123	X. Quảng Sơn	65211
	124	X. Quảng Trục	65711